

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/DS-PT
Ngày 28 - 3 - 2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tấn.

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Thuấn.

Ông Võ Văn Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Xương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2017/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà La Thị Mỹ H, sinh năm 1962; địa chỉ: đường L, khu phố B, phường Đ, thị xã H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Siêu X, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp X, xã M, thị xã H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1952, theo văn bản ủy quyền ngày 22/9/2017 (có mặt).

Địa chỉ: khu phố M, phường T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Siêu X - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà La Thị Mỹ H trình bày: Năm 2012, bà Nguyễn Siêu X có nhờ bà chơi giùm một dây hụi, dây hụi 1.000.000 đồng, hụi 10 ngày khui một lần, hụi có 31 người chơi, bà hốt lần đầu tiên được 20.900.000 đồng và bà X có viết tờ biên nhận nợ tiền hụi là 20.900.000 đồng. Sau khi nhận tiền bà X không đóng cho bà hụi chết cho bà 30 lần bằng 30.000.000 đồng.

Năm 2013, bà X mượn bà số tiền 42.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ hứa 15 ngày sẽ thanh toán lại nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán số tiền này cho bà. Vậy, tổng cộng bà X còn nợ bà số tiền 72.000.000 đồng.

Nay yêu cầu bà X phải trả cho bà số tiền 72.000.000 đồng. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Nguyễn Siêu X và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hoàng Văn H trình bày: Năm 2012 bà X có nhờ bà H chơi giùm 01 dây hụi 1.000.000 đồng, 10 ngày khui một lần, hụi có 31 người chơi, khi hốt được 20.900.000 đồng, bà H không đưa tiền cho bà X mà lấy số tiền này trừ vào khoản tiền lãi của số tiền vay 200.000.000 đồng trước đây và kêu bà X ký vào biên nhận nợ ngày 27/3/2012. Bà X đã đóng tiền hụi đầy đủ cho bà H được 30 lần tương đương 30.000.000 đồng, do tin tưởng bà H nên khi bà X đóng tiền hụi xong thì không kêu bà H hủy bỏ tờ biên nhận.

Đối với số tiền 42.000.000 đồng, năm 2011 bà X có vay Ngân hàng số tiền 150.000.000 đồng và có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do không có tiền trả nợ nên bà X mới vay của bà H số tiền 150.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Sau khi trả được nợ thì bà X có làm hồ sơ xin vay lại nhưng Ngân hàng chỉ cho vay 140.000.000 đồng nên bà H kêu bà X ủy quyền lại cho bà H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà H đi vay tiền nhiều hơn và bà X đã đồng ý ủy quyền cho bà H đứng tên. Sau khi vay được 200.000.000 đồng thì bà H đưa cho bà X 42.500.000 đồng và bà X có làm tờ biên nhận nợ số tiền 42.000.000 đồng, số tiền còn lại 175.000.000 đồng (bao gồm tiền lãi 7.500.000 đồng và tiền vay 150.000.000 đồng). Bà X chỉ còn nợ bà H 200.000.000 đồng và hàng tháng bà X đã trả lãi đầy đủ cho bà H.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà X trả tiền hụi 30.000.000 đồng và tiền mượn 42.000.000 đồng, tổng cộng 72.000.000 đồng bà X không đồng ý vì số tiền này bà X đã đóng đầy đủ cho bà H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2017/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà La Thị Mỹ H, buộc bà Nguyễn Siêu X phải trả cho bà La Thị Mỹ H số tiền 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả trong thi hành án, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 28 tháng 10 năm 2017, bà Nguyễn Siêu X kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự số 18/2017/DS-ST ngày 16/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Siêu X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà H, bị đơn bà X và cũng như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều thừa nhận năm 2012 chị X có nhờ chị H tham gia giùm 01 dây hụi 1.000.000 đồng, 10 ngày xổ một lần, gồm 31 thành viên tham gia, khi tham gia thì hốt hụi lần đầu được số tiền 20.900.000 đồng, nhưng bà H cho rằng số tiền này đã giao lại cho bà X nhận và có viết biên nhận cho bà H để làm tin, sau đó bà X không đóng tiền hụi còn lại cho bà H 30 lần bằng số tiền 30.000.000 đồng, riêng bà X cho rằng số tiền 20.900.000 đồng bà H không đưa cho bà X mà lấy số tiền này trừ vào khoản tiền lãi của số tiền vay 200.000.000 đồng trước đây, còn kêu bà X ký vào biên bản nhận nợ ngày 27/3/2012, bà X đã đóng đầy đủ tiền hụi còn lại tương đương số tiền 30.000.000 đồng, do tin tưởng nên bà X không kêu bà H hủy bỏ biên nhận trên; nhưng bà X không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời khai của bà X là có căn cứ và hợp pháp. Trong khi đó, bà H không thừa nhận việc bà X có đóng hụi còn lại cho bà H với số tiền 30.000.000 đồng như bà X trình bày; mặt khác, việc bà X nhờ bà H chơi giùm 01 dây hụi 1.000.000 đồng, hụi xổ 10 ngày 01 lần, tổng cộng 31 người tham gia theo biên nhận ngày 27/3/2012 nhằm ngày 06/3/2012 âm lịch (bút lục số 06), đồng thời bà X thừa nhận có viết và ký biên nhận ngày 27/3/2012 (bút lục số 41). Do đó, lời khai của bà X không có cơ sở để tin.

[2] Theo lời trình bày của bị đơn cho rằng khoản tiền 42.000.000 đồng, vào ngày 15/5/2013 bà H cộng tiền lãi trong tờ theo dõi cho vay – thu nợ, tính 4 tháng là vào tháng 3, 4, 5, 6 năm 2013, mỗi tháng 10.500.000 đồng x 4 tháng = 42.000.000 đồng chứ không phải bà H cho bà X mượn số tiền 42.000.000 đồng. Theo khoản 1 Điều 91 nghĩa vụ chứng minh quy định “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp ...*”, như vậy phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của bị đơn là có căn cứ và pháp pháp. Đồng thời, tại giấy theo dõi cho vay – thu nợ (bút lục số 109) thể hiện mức vay là 319.000.000 đồng và mức đóng lãi bao nhiêu cũng không thể hiện, do đó không có cơ sở xem xét; mặt khác, nguyên đơn bà H cũng không thừa nhận lời trình bày của bị đơn là đúng sự thật; còn có biên nhận ngày 15/5/2013 thể hiện nội dung “*Hôm nay là ngày 15/5/2013 tôi có thiếu chị La Thị Mỹ H số tiền là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng chẵn) tôi hứa là trong khoảng 15 ngày tôi có tiền ít nhiều gì thì tôi cũng mang tới trả cho chị H hôm nay viết biên nhận này để làm bằng nếu sai lời tôi chịu trước pháp luật*” (bút lục số 05), đồng thời bà X thừa nhận có viết và ký vào biên nhận này (bút lục số 41). Do đó, lời khai trên của bị đơn không có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà La Thị Mỹ H và buộc bà X trả số tiền 72.000.000 đồng là có căn cứ.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Siêu X và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm, bà X phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Siêu X.

Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 18/2017/DS-ST ngày 16/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà La Thị Mỹ H, buộc bà Nguyễn Siêu X phải trả cho bà La Thị Mỹ H số tiền 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí.

- Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Siêu X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà La Thị Mỹ H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001184 ngày 22/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm, bà Nguyễn Siêu X phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) (do ông Hoàng Văn H nộp thay), theo biên lai thu số 0004386 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND thị xã H;
- THA dân sự thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tấn